

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

THÀNH NGỮ SO SÁNH TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT VỚI VIỆC ỨNG DỤNG TRONG DẠY, HỌC NGOẠI NGỮ

ĐINH NGỌC THUY
(NCS, ĐH KHXH & NV TP HCM)

1. Tổng quan

Thành ngữ không chỉ là đơn vị ngôn ngữ mà còn là đơn vị ngôn ngữ - văn hóa. Cho đến nay, từ những góc độ khác nhau, cũng giống như từ, thành ngữ thuộc lớp đơn vị mở trong thực tế sử dụng. Bên cạnh một số lượng lớn (khoảng một nửa), được hầu hết giới nghiên cứu công nhận là thành ngữ thì một nửa kia vẫn còn nhiều vấn đề phải bàn cãi. Nói đến thành ngữ là nói đến hàng loạt vấn đề không những về mặt lí thuyết như quan niệm về từ, về thành ngữ và các đơn vị khác mà còn phải đề cập đến những tác nhân khác như bối cảnh xã hội, những quan niệm khác nhau về thành ngữ của giới ngôn ngữ của mỗi quốc gia, cũng như phải nói đến đặc trưng ngôn ngữ-văn hóa của mỗi dân tộc. Theo tác giả Penny Hands, thuật ngữ “*thành ngữ*” (*idiom*) không dễ dàng định nghĩa bằng một từ, nó có thể được diễn tả bằng nhiều từ và cụm từ. Ngôn ngữ học truyền thống cho rằng “*thành ngữ là một tập hợp từ mang nghĩa khác với nghĩa của tổng số nghĩa của các từ đó kết hợp lại*”. Tác giả đã rất chú tâm đến việc nhận diện thành ngữ. Theo ông “... *thành ngữ là một loại tổ hợp từ cố định, bền vững về hình thái- cấu trúc, hoàn chỉnh, bóng bẩy về ý nghĩa, được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp thường ngày, đặc biệt là trong khẩu ngữ*”. Ví dụ: *đắt như tôm tươi, lẩn như chạch v.v..* (Hoàng Văn Hành, 2002, tr.25). Điều đó có nghĩa là khi

hết nghĩa của các từ riêng rẽ trong cụm từ đó cũng không giúp ta hiểu nghĩa của cả cụm từ đó.

Thành ngữ tiếng Anh có thể được phân ra năm loại sau đây:

(i) Cụm từ ẩn dụ (metaphorical expressions) kiểu như “*make someone’s blood boil - làm cho ai giận điên lên*”

(ii) Câu châm ngôn (sayings) như “*that’s the way the cookie crumbles - sự thế đã là như vậy rồi*”

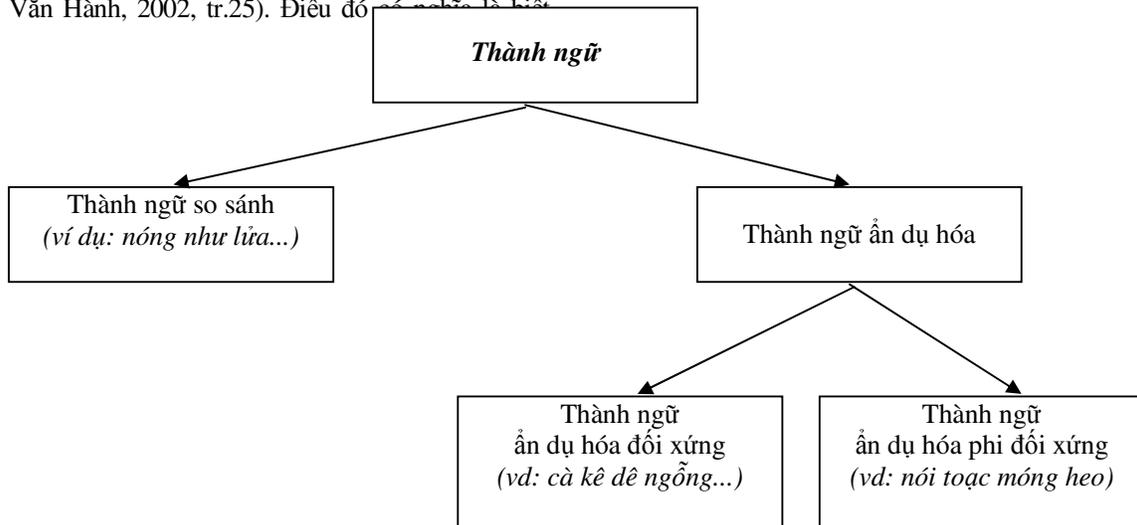
(iii) Một vài cụm động từ có một thành phần cố định, kiểu như “*live it up - sống một cách sôi nổi và phung phí*”

(iv) Cách ngôn và các biến thể của nó (proverbs) như “*a bird in the hand is worth two in the bush - không nên thả mỗi bắt bóng*”.

Một vài cụm từ thường dùng trong tiếng Anh được vay mượn từ tiếng nước ngoài và tiếng Latin như “*fait accompli - việc đã rồi*”.

Trong tiếng Việt, đã có nhiều ý kiến hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp đề cập đến vấn đề thành ngữ và việc phân loại chúng với hàng loạt quan niệm khác nhau và dĩ nhiên vấn đề về ranh giới của thành ngữ tiếng Việt cũng không phải là đơn giản. Đại thể có thể quy về các loại chủ yếu sau đây (Hoàng Văn Hành 2002:

(v)



Chúng tôi không có dự định đi sâu vào vấn đề quan niệm thành ngữ hay ranh giới của thành ngữ trong tiếng Việt mà chỉ đi qua một vài nét sơ lược như vậy để từ đó hướng tới việc xem xét thành ngữ so sánh từ góc độ dạy và học tiếng nước ngoài.

Trong khi phép ẩn dụ được nghiên cứu khá kỹ ở nhiều ngành khoa học khác nhau như: triết học, ngôn ngữ học, tâm lí, văn học v.v.. thì khi đề cập đến thành ngữ so sánh thì phép so sánh lại ít được quan tâm. Trong lĩnh vực dịch thuật, theo Pierini (2004), ẩn dụ tồn tại khá nhiều giấy mực trong các nghiên cứu của Newmark (1981, 2001), Snell-Hornby (1995), Toury (1995) thì nghệ thuật dịch phép so sánh chưa được quan tâm thích đáng trong các nghiên cứu của Newmark (1981).

Phép so sánh là một biện pháp tu từ được sử dụng trong nhiều ngữ cảnh như giao tiếp hàng ngày, báo chí, văn học v.v. Theo Fromilhague (1995), phép so sánh là một câu hay một cụm từ nói lên sự giống nhau của hai chủ thể tương đồng về một hay nhiều điểm nào đó và phép so sánh là một cấu trúc gồm ba phần: 'topic' hay 'comparandum' (đối tượng đem ra để so sánh), 'vehicle' hay 'comparatum' (đối tượng so sánh) và dấu hiệu so sánh như từ 'like' 'as' trong tiếng Anh và từ 'như' trong tiếng Việt (tr.73-74).

Cũng theo Fromilhague, phép so sánh chứa đựng nhiều chức năng: (i) góp phần làm việc diễn đạt ý muốn nói trong giao tiếp chính xác và hiệu quả hơn; (ii) đóng vai trò như một công cụ tri nhận thế giới theo một cách mới thông qua sự so sánh giữa hai chủ thể (1995, tr.88-94) và chia ra nhiều cách phân loại. Một trong những loại mà tác giả bài báo tìm hiểu là thành ngữ so sánh/idiomatic similes. Theo Chiappe & Kennedy (2001), việc hiểu và dịch các thành ngữ so sánh là một điều khó khăn bởi người dịch phải cân nhắc các yếu tố vĩ mô như thể loại văn và các yếu tố vi mô như cấu trúc, chức năng của phép so sánh, và quan trọng là thành ngữ so sánh đó có thành ngữ tương đương trong tiếng mẹ đẻ hay không.

Như vậy, tìm hiểu thành ngữ so sánh trong tiếng Anh và tiếng Việt qua việc so sánh, phân loại và phân tích các yếu tố văn hóa trong các thành ngữ để người học tiếng Anh cũng như tiếng Việt để nâng cao tầm hiểu biết về văn hóa đất nước con người và ý nghĩa của các thành ngữ của

ngôn ngữ đang học là mục đích tác giả bài báo hướng đến.

Thật ra thành ngữ so sánh trong tiếng Việt đã được các tác giả hàng đầu của Việt Nam như Hoàng Văn Hành, Đỗ Hữu Châu, Nguyễn Thiện Giáp .v.v nghiên cứu khá kỹ và thành ngữ so sánh trong tiếng Anh cũng được tìm hiểu và trình bày rõ ràng trong các từ điển của Oxford hay Longman. Bài báo này hướng việc nghiên cứu so sánh thành ngữ so sánh tiếng Anh và tiếng Việt vào việc giảng dạy và học tiếng Anh nhằm giúp người dạy và học hiểu hơn về ý nghĩa, giá trị của các thành ngữ và tìm được sự thú vị cũng như đạt được hiệu quả cao trong việc dạy và học biện pháp tu từ này.

2. Thành ngữ so sánh tiếng Anh trong so sánh với tiếng Việt xét về ý nghĩa và văn hóa

Trong khi cấu trúc của thành ngữ so sánh trong tiếng Anh:

as + adjective (tính từ) + as + noun phrase (cụm danh từ) - cụm danh từ ở đây có thể là người, động vật hay là vật, thì trong tiếng Việt cấu trúc cũng là:

tính từ + như + cụm danh từ - cụm danh từ chỉ người, động vật, vật.

Ví dụ: *as beautiful as a picture - đẹp như tranh*

Theo Moon (1998), các thành ngữ so sánh bị ảnh hưởng sâu sắc bởi văn hóa và những hiểu lầm hay khó hiểu các thành ngữ này xuất phát chủ yếu từ việc chưa hiểu hết các giá trị văn hoá cốt lõi (fundamental beliefs) (tr. 244). Chúng tôi phân loại thành ngữ theo chủ đề chủ yếu sau đây:

1.1 Thành ngữ so sánh bắt nguồn từ cây/ trái cây/ rau củ quả

Tiếng Anh	Tiếng Việt
as red as beet/ beetroot (đỏ như củ cải đường)	Đỏ như son
as cool as cucumber (lạnh như dưa leo)	Lạnh như tiền
as fresh as a daisy (tươi như hoa cúc)	Tươi như hoa
as like as two peas in the pod (giống như hai hạt đậu)	Giống như hai giọt nước

Như vậy đối tượng so sánh (vehicle) của tiếng Việt và tiếng Anh có khác nhau nhưng sự khác nhau này không bị ảnh hưởng bởi văn hoá mà do quan sát và dựa vào tính chất của vật được so sánh. Tuy nhiên điểm lưu ý ở đây là thành ngữ so sánh

phải được đặt vào đúng ngữ cảnh để tạo hiệu quả trong diễn đạt. Ví dụ *as red as a beet* không dùng để miêu tả màu sắc như *tám vái đỏ như son* hay *môi đỏ như son* mà để chỉ sắc mặt lúc giận dữ, do đó khi chúng ta nói *He was as red as a beet when seeing his car badly destroyed* phải được dịch là *Anh ấy giận đỏ mặt tía tai khi thấy xe mình bị phá hủy nặng*.

1.2 Thành ngữ so sánh bắt nguồn từ bộ phận cơ thể

Tiếng Anh	Tiếng Việt
As long as your arm (dài như cánh tay)	(Tay) dài như tay vượn
As fast as your legs can carry you (nhanh như chân có thể mang bạn đi)	(Chạy) nhanh như vút chân lên cổ
As plain as the nose on your face (rõ như mũi trên mặt)	Rõ như ban ngày

Những thành ngữ này bắt nguồn từ quan sát đặc tính của các bộ phận trên cơ thể như chân thường được liên tưởng tới sự chuyển động, chạy nhảy và mặt hay mũi thường được liên tưởng như phần hiện diện ở phía trước, dễ nhận thấy của bộ phận cơ thể người.

1.3 Thành ngữ bắt nguồn từ động vật

Tiếng Anh	Tiếng Việt
As busy as a bee (bận như ong)	Cực như trâu
As free as a bird (tự do như chim)	Mệt đứt hơi
As sick as a dog (bệnh như chó)	Khôn như cáo
As cunning as a fox (khôn như cáo)	Chậm như rùa
As slow as a turtle (chậm như rùa)	Yếu như sên
As weak as a kitten (yếu như mèo con)	
As proud as a peacock (hãnh diện như công)	
As poor as a church mouse (nghèo như chuột)	Nghèo rớt mùng tơi

Những thành ngữ so sánh trong tiếng Anh cho thấy người Anh đã tìm hiểu rất kỹ đặc tính của từng loại động vật và dùng tính từ để gắn kết với chúng như sự siêng năng cần cù của loài ong, sự tự do bay cao của chim, cách thờ ơ nặng nhọc của

chó, sự lém lỉnh của cáo, sự chậm chạp của rùa và yếu ớt của mèo con và biểu thị bằng những tính từ như busy (bận rộn), free (tự do), sick (bệnh), cunning (lém lỉnh), slow (chậm), weak (yếu). Trong tiếng Việt như chúng ta thấy rất khó để tìm thành ngữ tương đương dịch sát nghĩa những thành ngữ trên mà phải dùng thành ngữ của người Việt và những động vật tiêu biểu của văn hóa Việt cũng xuất hiện trong các thành ngữ, chẳng hạn *khỏe như trâu*. Trong tiếng Anh không có thành ngữ có sự xuất hiện của động vật này bởi *trâu* chỉ quen thuộc với một đất nước nông nghiệp lúa nước mà thôi.

Ở đây thành ngữ gây khó hiểu cho người học là *as poor as a church mouse* bởi nguồn gốc và văn hóa ẩn chứa trong thành ngữ này phải được giải thích. Thật ra thành ngữ này đã xuất hiện từ thế kỉ 17 trong bộ sưu tập tục ngữ của James Howell nhưng lúc đó thành ngữ gốc là “*as hungry as a church mouse*” tức là *đói như chuột trong nhà thờ* và sau đó mới chuyển thành “*as poor as a church mouse*”. Lí do là chuột sống trong nhà thờ thì không kiếm được thức ăn vì trong nhà thờ không có đồ ăn thừa và cũng không phải nơi dự trữ đồ ăn.

1.4 Thành ngữ bắt nguồn từ vật

Tiếng Anh	Tiếng Việt
As clear/ sound as a bell (rõ như chuông)	Rõ như ban ngày
As bold as brass (trơ như đồng)	Trơ như đá
As good as gold (quý như vàng)	Quý như vàng
As tough as old boots (dai như ủng cũ)	Dai như đĩa
As nice as pie (xinh như bánh táo)	Xinh/đẹp như hoa
As easy as pie (dễ như bánh táo)	Dễ như trở bàn tay
As safe as houses (An toàn như ở nhà)	An toàn như ở nhà
As smooth as silk (mềm như lụa)	Mềm như nhung
As solid as rock (cứng như đá)	Cứng như đá
As plain/ clear as a day (rõ như ban ngày)	Rõ như ban ngày
As straight as an arrow	

(thắng như cung tên) As deaf as a post (điếc như cột)	Thắng như ruột ngựa
As old as the hills (xưa như ngọn đồi)	Điếc đặc
As pure as the driven snow (tinh khiết như tuyết)	Xưa như trái đất
	Trắng (trong) như tuyết

Sự so sánh thành ngữ giữa tiếng Anh và tiếng Việt ở trên cho thấy cũng có sự tương đồng và khác biệt về nghĩa nhưng thành ngữ *as easy as pie* hay *as sound as a bell* có thể gây chút khó khăn vì những thành ngữ này gắn liền với thói quen và văn hoá Mỹ. Thật ra món pie hay apple pie (bánh táo) là một món ăn có tính tượng trưng của người Mỹ đến nỗi họ còn có thành ngữ là “as American as an apple pie” vì người dân Mỹ nào cũng quen thuộc và biết làm món bánh này nên bánh gắn liền với cái gì đó *xinh* (nice) và quen thuộc *dễ làm* (easy).

Đối với thành ngữ *as sound/clear as a bell* không khó hiểu với người Việt vì vang như tiếng chuông cũng khá quen thuộc nhưng có thể nói thêm là tiếng chuông trong văn hóa Anh có một ý nghĩa thiêng liêng của sự thức tỉnh và vang vọng. Tiếng chuông thường được nghe vào mỗi sáng chủ nhật, lúc đám cưới hay các lễ hội và tiếng chuông thường vang to cho cả khu hoặc cả một vùng gắn liền với sự to rõ và trang nghiêm.

1.5 Thành ngữ bắt nguồn từ tích hoặc tên riêng

Tiếng Anh	Tiếng Việt
As rich as Croesus (giàu như Croesus)	Giàu đồ vách
As pleased as Punch (hài lòng như Punch)	Vui như Tết
As happy as Larry (vui như Larry)	
As mad as a March hare (khùng như thỏ rừng tháng 3)	Điên khùng

Bốn thành ngữ này có sự xuất hiện của bốn tên riêng mà nguồn gốc cũng như ý nghĩa không được truy nguyên sẽ mất đi nhiều điểm thú vị. Câu hỏi những tên riêng này là ai, cái gì và tại sao được gắn kết với những tính từ này phải được trả

lời thoả đáng. Croesus là một vị vua rất giàu có của Lydia vào thế kỷ thứ 6 trước công nguyên. Punch là nhân vật rối trong vở kịch Punch và Judy lúc nào cũng vui vẻ hài lòng ngay cả khi làm việc gì đó ác. Thành ngữ *as happy as Larry* thật ra gây nhiều tranh cãi về nguồn gốc nhưng theo đa số do chữ Larry được viết hoa nên có thể đó rất có thể là Larry Foley, vận động viên đấm bốc người Úc của thế kỉ 19 bởi anh đã đánh thắng nhiều trận nhưng thật sự tại sao tên anh lại được đưa vào thành ngữ tượng trưng cho niềm vui cũng chưa được giải thích hết. *March hare* bắt nguồn từ sự thật là cứ vào mùa xuân thì loài thỏ rừng này lại có những điệu nhảy nhót tung tăng kì lạ trên những cánh đồng mênh mông.

Đối với tiếng Việt việc tìm thành ngữ tương đương cho những thành ngữ trên là không thể vì những nhân vật này không xuất hiện trong văn hoá Việt. Sự vui vẻ, hân hoan trong văn hoá Việt lại được miêu tả như Tết bởi Tết đối với dân Việt rất quan trọng, nó mang niềm vui của sự đoàn tụ, sum vầy, ăn uống vui chơi, đón chào năm mới.

1.6 Thành ngữ có nhiều cách diễn đạt khác nhau

Thành ngữ với tính từ good (tốt): *as good as your word* (tốt như từ), *as good as gold* (tốt như vàng) và *as good as new* (tốt như mới). Nếu dịch ra từng từ thì chúng ta khó biết cách sử dụng những thành ngữ này. Hơn thế nữa, ba thành ngữ này tuy cùng dùng tính từ good/ tốt nhưng ý nghĩa và ngữ cảnh được dùng rất khác nhau. Thành ngữ *as good as your word* (tốt như từ) mang nghĩa hãy làm những điều mà bạn đã hứa, tức là hứa tốt thì làm như thế. Thành ngữ *as good as gold* (tốt như vàng) lại được dùng để ca ngợi cách cư xử ví dụ một đứa trẻ ngoan, lễ phép, cư xử đúng mực sẽ được khen và ví như vàng. Thành ngữ *as good as new* chỉ tình trạng và tính chất của một vật nào đó tuy cũ nhưng vẫn giữ được cái đẹp và mới nguyên trạng của nó.

Thành ngữ với tính từ sick (bệnh): *as sick as a dog* (bệnh/ mệt như chó) và *as sick as a parrot* (chán như két). Thành ngữ thứ nhất để chỉ tình trạng bệnh, mệt nằm đừ và thờ khó khăn trong khi thành ngữ thứ hai nói lên tình trạng chán nản và tuyệt vọng. Có nhiều giải thích khác nhau cho việc chọn con két để đưa vào thành ngữ này nhưng đa số đồng ý rằng do két là loài động vật thích hợp với khí hậu nhiệt đới, việc loài vật này

sống ở xứ lạnh như Anh hay Mỹ khiến chúng khó chịu và tuyệt vọng.

3. Ứng dụng vào việc dạy và học ngoại ngữ

Thực tiễn dạy và học tại các trường phổ thông cho thấy người học rất khó ghi nhớ nghĩa của các thành ngữ bởi dường như họ phải học thuộc lòng và nếu người dạy không giúp học sinh/ sinh viên thấy được những nét khác biệt trong văn hóa và tri nhận của cộng đồng người nói tiếng Anh thì học thành ngữ tiếng Anh sẽ gây rất nhiều khó khăn và sẽ giảm hiệu quả cũng như sẽ mất đi sự hứng thú của người học. Việc tìm hiểu ý nghĩa, nguồn gốc và các giá trị văn hoá của thành ngữ trong tiếng Anh vì thế mang nhiều ứng dụng trong thực tiễn giảng dạy.

Thứ nhất, việc dịch và tìm thành ngữ tương đương trong ngôn ngữ mẹ đẻ được khuyến khích để người học thấy được sự giống và khác nhau về cách ví von, lí do, nguồn gốc cũng như các giá trị văn hóa ẩn chứa trong các thành ngữ.

Thứ hai, người học nên quan tâm tới ngữ cảnh sử dụng bởi cùng một tính từ có thể đi với nhiều đối tượng so sánh khác nhau, mang nghĩa khác nhau và được dùng trong những hoàn cảnh khác nhau.

Thứ ba, đối với thành ngữ có tích hay nguồn gốc mang tên riêng thì người dạy không nên dịch ra thành ngữ tương đương ngay mà nên giữ nguyên những tên riêng ấy rồi giải thích nguồn gốc của tên riêng và có sự so sánh với ngôn ngữ mẹ đẻ, nhờ đó người học mới hiểu được các giá trị cốt lõi của các thành ngữ.

4. Kết luận

Nét đặc trưng ngữ nghĩa của thành ngữ là có tính biểu trưng, hình tượng, gợi hình và biểu cảm. Vì thế thành ngữ không chỉ có tác dụng làm cho lời văn hay, hình tượng đẹp mà còn có tác dụng diễn tả ý tưởng một cách cụ thể và sâu sắc. Thành ngữ nói chung và thành ngữ so sánh nói riêng mang nhiều nét tiêu biểu cho cái tinh hoa, bản sắc của dân tộc. Việc phân loại và tìm hiểu các thành ngữ của tiếng Anh đối chiếu với tiếng Việt cho thấy những điểm chung và khác biệt khá rõ rệt giữa hai nền văn hoá. Lối ví von cho thấy quan sát nhạy bén cũng như văn hoá của hai dân tộc mà người học tiếng Anh và tiếng Việt nên tìm hiểu để không những thông thạo về nghĩa mà còn ngữ cảnh sử dụng, cách dịch thuật và biết thêm về đất

nước, con người cũng như những cái hay toát lên từ các giá trị văn hoá cũng như góp phần làm tăng hiệu quả diễn đạt trong giao tiếp.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

1. Bùi Khắc Việt (1978), *Về tính biểu trưng của thành ngữ tiếng Việt*, T/c Ngôn ngữ số 1.
2. Hoàng Văn Hành (2002), *Kể chuyện thành ngữ, tục ngữ*, Nxb. KHXH.
3. Hoàng Văn Hành (2004), *Thành ngữ học tiếng Việt*, Nxb. KHXH.
4. Nguyễn Đức Dân (1986), *Ngữ nghĩa thành ngữ và tục ngữ - sự vận dụng*, T/c Ngôn ngữ số 3.
5. Nguyễn Thiện Giáp (1975), *Về khái niệm thành ngữ tiếng Việt*, T/c Ngôn ngữ số 3.
6. Nguyễn Xuân Hòa (1981), *Thử bàn về quan niệm xác định đơn vị thành ngữ trong tiếng Việt*, Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt T.2, Nxb. KHXH.

Tiếng Anh

7. Chiappe, Dan & Kennedy, John. (2001), *Literal bases for metaphor and simile*. Metaphor and symbol, 16, 249-276.
8. Fromilhague, Catherine. (1995), *Les figures de style*. Paris: Nathan.
9. *Longman dictionary of English idioms*. (1980). London: Longman.
10. Moon, Rosamund. (1998), *Fixed expressions and idioms in English. A corpus-based approach*. Oxford: OUP.
11. Newmark, Peter. (1981), *Approaches to translation*. Oxford: Pergamon Press.
12. Newmark, Peter. (2001), *A textbook of translation*. London: Longman.
13. O'Driscoll, J. (1995). *Britain*. Oxford: OUP.
14. *Oxford Idioms*. (2001), Oxford: OUP.
15. Pierini, Patrizia. (2004), *Comparing Italian and English. An introduction*. Roma: Aracne Editrice
16. Snell-Hornby, Mary. (1995), *Translation studies. An integrated approach*. Amsterdam/ .
17. Toury, Gideon. (1995). *Descriptive translation studies and beyond*. Amsterdam/Philadelphia: John Benjamins.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 22-03-2011)